|  |  |
| --- | --- |
| ĐẠI HỌC HUẾ  **TR­ƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGÀNH THÚ Y**

*Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm của*

*Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế*

**A. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên chương trình đào tạo (bằng tiếng Việt): Chăn nuôi
2. Tên chương trình đào tạo (bằng tiếng Anh): Animal Sciences
3. Tênviết tắt củachương trình đào tạo: CHTY-NC
4. Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
5. Định hướng đào tạo: Nghiên cứu
6. Mã ngành đào tạo: 86.401.01
7. Thời gian đào tạo: 2 năm
8. Loại hình đào tạo: Chính quy
9. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
10. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 65
11. Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

**B. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA**

**I. Mục tiêu đào tạo**

**1. Mục tiêu chung**

Đào tạo Thạc sĩ có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Thú y, có kỹ năng vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành Thú y.

**2. Mục tiêu cụ thể** (PO)

PO1: Nắm vững nền tảng triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận trong việc nhận thức và nghiên cứu khoa học tiên tiến áp dụng vào việc giải quyết các vấn đề của chuyên ngành.

PO2. Phân tích được các thông tin chuyên ngành thú y; vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn sản xuất; trình bày được quan điểm, luận điểm khoa học mới; Tổng hợp được các kiến thức chuyên ngành thú y để có thể vận dụng vào nghiên cứu giải quyết một vấn đề chuyên môn có tính thời sự.

PO3: Áp dụng được phương pháp nghiên cứu và chuyển giao khoa học kỹ thuật phù hợp để có thể độc lập trong hoạt động chuyển giao và nghiên cứu, có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành thú y.

PO4: Áp dụng được kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, quản lý dịch bệnh động vật, thiết kế và tổ chức thực hiện các nghiên cứu về thú y, vận hành mạng lưới thú y.

PO5: Triển khai độc lập trong hoạt động tư vấn nghề nghiệp và hoạch định chính sách thú y; sử dụng được tài liệu ngoại ngữ chuyên môn liên quan.

**II. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

| **Ký hiệu** | **Nội dung chuẩn đầu ra** |
| --- | --- |
| **PLO1** | **Kiến thức** |
| **PLO1.1** | Vận dụng kiến thức lý thuyết cơ bản về triết học để có thể phát triển kiến thức mới từ những vấn đề nảy sinh trong đời sống thực tiễn; củng cố vững chắc thế giới quan và phương pháp luận trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực chuyên ngành. |
| **PLO1.2** | Vận dụng được các kiến thức về nông nghiệp, môi trường và phát triển bền vững để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực thú y một cách khoa học, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu của thời đại công nghiệp 4.0 và thích ứng với biến đổi khí hậu. |
| **PLO1.3** | Vận dụng được các quá trình sinh lý, hoá sinh trong cơ thể vật nuôi để giải quyết vấn đề quản lý sức khoẻ vật nuôi; vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về vi sinh vật, độc chất, công nghệ sinh học và phương pháp sinh học trong chấn đoán, phòng trị bệnh ở động vật; vận dụng được cách tiếp cận một sức khoẻ trong giải quyết vấn đề liên quan đến bệnh truyền lây giữa động vật và người, an toàn thực phẩm; vận dụng được các kiến thức về thống kê để thiết kế các nghiên cứu trong lĩnh vực thú y. |
| **PLO1.4** | Vận dụng được các kiến thức về dịch tễ học, ứng dụng hệ thống thôn tin địa lý, miễn dịch học, bệnh cảm nhiễm phức hợp trong phòng chống dịch bệnh ở động vật; vận dụng được kiến thức bệnh lý học, ngoại khoa, nội khoa các rối loạn chuyển hóa và các kỹ thuật xét nghiệm trong chẩn đoán bệnh thú y và vận dụng kiến thức về sinh sản vật nuôi để nâng cao hiệu quả chăn nuôi. |
| **PLO1.5** | Luận giải được chủ đề học thuật mang tính thời sự; vận dụng được kiến thức để thiết kế thí nghiệm, thu thập và xử lý dữ liệu đáp ứng chủ đề nghiên cứu. |
| **PLO2** | **Kỹ năng** |
| **PLO2.1** | Xây dựng được kỹ năng trình bày, viết báo cáo khoa học, truyền đạt thông tin, các kết quả thực hiện, hoặc phản biện các vấn đề chuyên môn một cách hiệu quả. |
| **PLO2.2** | Đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và theo Quy định chung của Đại học Huế. |
| **PLO2.3** | Xử lý được các tình huống dịch bệnh, tình huống nghiên cứu một cách logic; có kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức chuyên ngành. |
| **PLO2.4** | Thực hiện được các kỹ năng tổng hợp trong xử lý dịch bệnh ở động vật, tổ chức lập kế hoạch phối hợp các bên liên quan để giải quyết các vấn đề liên quan đến thú y; thiết kế được thí nghiệm, thành thạo phân tích kết quả trong nghiên cứu thú y và viết kết quả nghiên cứu. |
| **PLO2.5** | Triển khai có hiệu quả các kế hạch hoạt động thú y ở các quy mô và tình huống khác nhau, áp dụng được các kiến thức đã học trong giải thích nguyên nhân gây bệnh ở động vật. |
| **PLO3** | **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** |
| **PLO3.1** | Có ý thức phản biện nghề nghiệp để từ đó nâng cao khả năng sáng tạo trong hoạt động chuyên môn; có thái độ đúng đắn, tính nhân văn khi đối xử với động vật. |
| **PLO3.2** | Có trách nhiệm cao và đạo đức nghề nghi đối với cộng động và xã hội, có thái độ đúng đắn trong xử lý thuốc và xử lý dịch bệnh. |
| **PLO3.3** | Truyền thông được công tác phòng chống dịch bệnh ở động vật, đặc biệt các bệnh lây truyền chung giữa động vật và người. |

**III. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp ThS có thể tham gia vào công tác kỹ thuật, quản lý về lĩnh vực thú y từ các cơ quan trung ương đến địa phương trong lĩnh vực thú y. Ngoài ra có thể có thể tham gia vào công tác kỹ thuật, quản lý về lĩnh vực thú y ở các doanh nghiệp trong lĩnh vực thú y và chăn nuôi. Có thể tự mình thành lập các doanh nghiệp các cơ sở kinh doanh, các bệnh viện thú y, phòng khám.

**IV. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp**

Người học sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học tập lên trình độ tiến sĩ Thú y hoặc tiến sĩ Chăn nuôi.